TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2024/HNGĐ-PT Ngày: 20 -5-2024 V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tư;

Ông Lê Nguyên Khoa,

- Thư ký phiên tòa: Lữ Hồng Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLPT-HNGĐ ngày 06 ngày 3 năm 2024 về: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2024/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Bé M, sinh năm 1984 (có mặt).
Bị đơn: Chị Phan Thị Bé E, sinh năm 1977 (có mặt).
Cùng địa chỉ: Tổ B, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh V.
Người kháng cáo: anh Phạm Văn Bé M - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bé M và chị B Em chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh V ngày 05/9/2016. Thời gian đầu anh Bé M, chị Bé E chung sống hạnh phúc.

Đến năm 2023, thì phát sinh mâu thuẫn, anh B M cho rằng giữa anh Bé M và chị B Em bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị Bé E có lời lẽ hâm dọa đến tính mạng sức khỏe của anh B Mười nên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B M yêu cầu ly hôn với chị Bé E. Chị Bé E xác định từ tháng 7/2023 anh B M có quen biết với người phụ nữ khác, thường xuyên vắng nhà nên chị Bé E và anh B M có cự cãi với nhau, vợ chồng có không có mâu thuẫn gì trầm trọng chị B Em không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng cùng chung sống với nhau để chăm lo cho con chung.

- Về con chung: Anh Bé M, chị B Em có 02 con chung tên Phạm Khánh B1, sinh ngày 29/3/2011, Phạm Khánh H, sinh ngày 22/02/2012. Anh Bé M yêu cầu sau khi ly hôn anh B M đồng ý giao con chung cho chị B Em nuôi dưỡng, anh Bé M cấp dưỡng mỗi con chung một tháng 500.000 đồng. Chị Bé E đồng ý theo yêu cầu của anh B M nếu Tòa án chấp nhận cho anh B M ly hôn với chị B Em thì chị Bé E đồng ý nuôi con chung và anh B M cấp dưỡng con chung như ý kiến của anh Bé M.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 06/2024/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh V đã quyết định:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Bé M yêu cầu ly hôn bà Phan Thị Bé E.

2/ Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về chia tài sản: không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/02/2024, anh Phạm Văn Bé M kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với chị Bé E.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Bé M, chị B Em thỏa thuận:

Quan hệ hôn nhân: Anh Bé M, chị B Em thuận tình ly hôn.

Con chung: Giao con chung Phạm Khánh B1, sinh ngày 29/3/2011 và Phạm Khánh H, sinh ngày 22/02/2012 cho chị B Em nuôi dưỡng, anh Bé M cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V phát biểu ý kiến: Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Sửa bản án sơ thẩm số: 06/2024/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh V: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

2/ Về án phí: Anh Phạm Văn Bé M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Phạm Văn Bé M và chị Phan Thị Bé E chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh V nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Bé M, chị Bé E đã thỏa thuận :

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bé M, chị B Em thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Khánh B1, sinh ngày 29/3/2011 và Phạm Khánh H, sinh ngày 22/02/2012 cho chị B Em nuôi dưỡng, anh Bé M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Xét, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 300, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn anh Phạm Văn bé M1 và bị đơn chị Phan Thị Bé E. Sửa bản án hôn nhân gia đình số: 06/2024/HNGĐ-ST, ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân dân huyện B, tỉnh V.

Áp dụng Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều,82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn Bé M và chị Phan Thị Bé E.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Khánh B1, sinh ngày 29/3/2011 và Phạm Khánh H, sinh ngày 22/02/2012 cho chị B Em tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Bé M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bé E, mỗi con chung một tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung của anh B M đối với con chung Phạm Khánh B1, Phạm Khánh H tính từ ngày 20/5/2024 (tuyên án phúc thẩm).

Anh Bé M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.1/ Án phí sơ thẩm: Buộc anh Phạm Văn Bé M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* anh M nộp theo biên lai thu số 0000311 ngày 16/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

2.2/ Về án phí phúc thẩm: anh Phạm Văn Bé M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí không giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh Bé M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013323 ngày 05/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh V. Anh Bé M phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDTVL;
- CATANDTVL;
- TANDHBT;
- THADSHBT;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Duy Mỹ Ngọc